Phụ lục III

MỨC HƯỞNG TRỢ CẤP ƯU ĐÃI HẰNG THÁNG ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH LOẠI B

(Kèm theo Nghị định số 321/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tỷ lệ tổn thương cơ thể	Mức hưởng trợ cấp	STT	Tỷ lệ tổn thương cơ thể	Mức hưởng trợ cấp
1	21%	1.676.000	21	41%	3.256.000
2	22%	1.756.000	22	42%	3.336.000
3	23%	1.831.000	23	43%	3.416.000
4	24%	1.914.000	24	44%	3.493.000
5	25%	1.996.000	25	45%	3.568.000
6	26%	2.070.000	26	46%	3.649.000
7	27%	2.150.000	27	47%	3.720.000
8	28%	2.225.000	28	48%	3.802.000
9	29%	2.308.000	29	49%	3.879.000
10	30%	2.388.000	30	50%	3.960.000
11	31%	2.462.000	31	51%	4.040.000
12	32%	2.544.000	32	52%	4.114.000
13	33%	2.624.000	33	53%	4.197.000
14	34%	2.705.000	34	54%	4.277.000
15	35%	2.783.000	35	55%	4.430.000
16	36%	2.858.000	36	56%	4.508.000
17	37%	2.937.000	37	57%	4.593.000
18	38%	3.019.000	38	58%	4.672.000
19	39%	3.099.000	39	59%	4.747.000
20	40%	3.174.000	40	60%	4.827.000

STT	Tỷ lệ tổn thương cơ thể	Mức hưởng trợ cấp	STT	Tỷ lệ tổn thương cơ thể	Mức hưởng trợ cấp
41	61%	4.906.000	61	81%	6.485.000
42	62%	4.984.000	62	82%	6.567.000
43	63%	5.066.000	63	83%	6.641.000
44	64%	5.141.000	64	84%	6.723.000
45	65%	5.222.000	65	85%	6.807.000
46	66%	5.304.000	66	86%	6.881.000
47	67%	5.382.000	67	87%	6.962.000
48	68%	5.456.000	68	88%	7.037.000
49	69%	5.534.000	69	89%	7.122.000
50	70%	5.616.000	70	90%	7.196.000
51	71%	5.699.000	71	91%	7.275.000
52	72%	5.775.000	72	92%	7.356.000
53	73%	5.855.000	73	93%	7.435.000
54	74%	5.932.000	74	94%	7.517.000
55	75%	6.016.000	75	95%	7.593.000
56	76%	6.092.000	76	96%	7.672.000
57	77%	6.169.000	77	97%	7.748.000
58	78%	6.245.000	78	98%	7.826.000
59	79%	6.329.000	79	99%	7.908.000
60	80%	6.411.000	80	100%	7.989.000